

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Công văn số/SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	Trong ngân sách									
B	Ngoài ngân sách									
1	Hội thánh truyền giáo cơ đốc Nghĩa Thắng	0,11	0,11		0,11	TON	xã Nghĩa Thắng	Thửa đất số 992, tờ bản đồ số 19	Công văn 2975/UBND-KTN ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh; điều chỉnh tại Công văn số 4760/UBND-KTN ngày 06/9/2024	
2	Mỏ đá An Hội (phần mở rộng diện tích khai thác)	29,90	6,50	23,40	6,5	SKS	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 35 xã Nghĩa Kỳ	Giấy phép khai thác khoáng sản số 39/GP-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
	Tổng cộng:	30,01	6,61	23,40	0,00					

Phụ biểu 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN TUYÊN GIÃ
(Kèm theo Công văn số/SNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Công trình, dự án	Tổng diện tích QH	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích đã chuyển mục	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Đất trồng lúa			Đất rừng đặc	Đất rừng phòng	Đất rừng sản xuất					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích					Rừng tự nhiên
						LUC	LUK								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(17)
A	Trong ngân sách														
I	Đăng ký mới năm 2025														
B	Ngoài ngân sách														
1	Mỏ đá An Hội (phần mở rộng diện tích khai thác)	29,90	6,50							6,50		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 35 xã Nghĩa Kỳ	Giấy phép khai thác khoáng sản số 39/GP-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh	
	Tổng cộng:	29,90	6,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	6,50	0,00				